

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC AN**

Số: 530 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phước An, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của xã Phước An
đã được HĐND phê duyệt**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/9/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND xã Phước An kỳ họp lần thứ 12, khóa XIII về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025;

Theo đề nghị của Ban Tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của xã Phước An.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban tài chính xã, các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy - HĐND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN

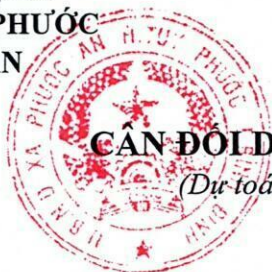
**K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Chinh

Tỉnh: BÌNH ĐỊNH
Huyện : TUY PHƯỚC
Xã: PHƯỚC AN

Biểu số 108/CK TC-NSNN



CÂN ĐO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	13.638.872.000	TỔNG SỐ CHI	13.638.872.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	494.872.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.500.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	4.761.000.000	II. Chi thường xuyên	9.895.202.000
III. Thu bổ sung	8.383.000.000	III. Dự phòng	195.130.000
- Bổ sung cân đối	8.383.000.000	IV. Chi khác	48.540.000
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV. Thu chuyển nguồn	0		

thi

Tỉnh: BÌNH ĐỊNH
Huyện: TUY PHƯỚC
Xã: PHƯỚC AN

Biểu số 109/CK TC-NSNN



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	9.731.000.000	13.638.872.000
I	Các khoản thu 100%	235.000.000	494.872.000
	Phí, lệ phí	45.000.000	45.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	140.000.000	140.000.000
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		0
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		0
	Thu khác	50.000.000	309.872.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	9.496.000.000	4.761.000.000
1	Các khoản thu phân chia	346.000.000	346.000.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	145.000.000	145.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	51.000.000	51.000.000
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	150.000.000	150.000.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	9.150.000.000	4.415.000.000
	- Thuế GTGT(VAT) + Thuế TNDN	9.150.000.000	915.000.000
	- Thu thuế tiêu thụ đặc biệt	-	
	- Thu thuế tài nguyên	-	
	- Thuế Thu nhập cá nhân	-	
	- Thu tiền sử dụng đất	-	3.500.000.000
III	Thu nguồn cải cách tiền lương	-	
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		8.383.000.000
	- Thu bổ sung cân đối		8.383.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

thao



Tỉnh: Bình Định
Huyện: Tuy Phước
Xã: Phước An

Biểu số 110/CKTC - NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đvt: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		Tổng số	ĐTPT	TX
	TỔNG CHI	13.638.872.000	3.500.000.000	10.138.872.000
I	Chi đầu tư phát triển	3.500.000.000	3.500.000.000	0
1	Chi đầu tư XDCB	3.500.000.000	3.500.000.000	
2	Chi ĐTPT khác (Hỗ trợ kênh mương nội đồng)	0		
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	9.895.202.000	0	9.895.202.000
1	Chi công tác dân quân tự vệ, ANTT	1.161.107.796	0	1.161.107.796
1.1	Chi dân quân tự vệ	433.447.796		433.447.796
1.2	Chi an ninh trật tự	727.660.000		727.660.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục	12.024.000	0	12.024.000
2.1	Chi hội khuyến học	12.024.000		12.024.000
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	90.412.000		90.412.000
4	Chi sự nghiệp Đài truyền thanh	130.137.072		130.137.072
5	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	75.412.000		75.412.000
6	Chi hội Chữ thập đỏ	12.024.000		12.024.000
7	Chi hội Người Cao tuổi	31.680.000		31.680.000
8	Chi hội cựu tù chính trị cách mạng	31.680.000		31.680.000
9	Chi sự nghiệp kinh tế	158.645.312	0	158.645.312
9.1	Chi sự nghiệp giao thông	0		
9.2	Chi sự nghiệp nông lâm, thú y	158.645.312		158.645.312
9.3	SN thị chính	0		
9.4	Thương mại, dịch vụ	0		
9.5	Các sự nghiệp khác	0		
10	Chi sự nghiệp xã hội	97.660.000	0	97.660.000
10.1	Hưu xã và trợ cấp khác	31.200.000		31.200.000
10.2	Trẻ mồ côi, già không nơi nương tựa, cứu tế XH	66.460.000		66.460.000
10.3	Khác	0		
11	Khối công đoàn	0		
12	Sự nghiệp môi trường	312.382.000		312.382.000
13	Khoa học công nghệ	0		
14	Chi quản lý Nhà nước Đảng, Đoàn thể	7.782.037.820	0	7.782.037.820
	Trong đó: Quỹ lương	0		
14.1	Chi Hội đồng nhân dân	614.381.224		614.381.224
14.2	Chi Ủy ban nhân dân xã	3.668.545.700		3.668.545.700
14.3	Đảng	1.447.667.120		1.447.667.120
14.4	Mặt trận	896.553.696		896.553.696
14.5	Đoàn Thanh niên	300.492.960		300.492.960
14.6	Phụ nữ	319.305.504		319.305.504
14.7	Nông dân	273.162.688		273.162.688
14.8	Cựu chiến binh	261.928.928		261.928.928
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0		0
IV	Chi khác	48.540.000		48.540.000
	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0		0
	Chi cải cách tiền lương	0		
V	Dự phòng chi	195.130.000		195.130.000

thư:



Biểu số 111/CK TC-NSNN
(Ban hành theo TT số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: triệu đồng

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán 31/12/2024	Tổng kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó chia theo nguồn					Thu đóng góp khác	Ghi chú
			Tổng số	Tr đó : nguồn đóng góp của dân				Huyện hỗ trợ SD đất năm 2025	Chuyển nguồn	Huyện hỗ trợ theo chế độ năm 2025	Huyện hỗ trợ KCH và KM và GTNT	Nghị định 35/2015/NĐ-CP HT đất lúa năm 2025	Chương trình NTM	
	TỔNG CỘNG						3.500	3.500	-	-	-	-	-	
A	CÔNG TRÌNH TRẢ NỢ						500	500	-	-	-	-	-	
I	Nguồn sử dụng đất						500	500						
1	Thẩm tra quyết toán, chi phí tư vấn, quản lý dự án						200	200						
	Giáo dục						0	0						
2	Nhà đa năng Trường TiH số 1 Phước An						250	250						
	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng						0	0						
3	Khu vui chơi giải trí (Khu sinh hoạt cho người già và trẻ em)						50	50						
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP						740	740						
I	Nguồn sử dụng đất						740	740						
	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng						0	0						
1	Quy hoạch chung xây dựng xã Phước An, huyện Tuy Phước đến năm 2035						100	100						
	Giao thông						0	0						
2	BTXM đường nội đồng từ Ngã 5 đến Thiện Trường, thôn Ngọc Thạnh 1						150	150						
3	BTXM đường nội đồng từ Ngõ Sỹ đến Cầu Giáp Sở, thôn Ngọc Thạnh 1						150	150						
4	BTXM đường nội đồng từ Cầu Gòn đến Gò Nhàn, thôn Đại Hội						120	120						
5	BTXM từ ngõ Tuấn đến Ngõ Cúc thôn An Sơn 2						100	100						



TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán 31/12/2024	Tổng kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó chia theo nguồn							Ghi chú
			Tổng số	Tr đó : nguồn đóng góp của dân				Huyện hỗ trợ tiền SD đất năm 2025	Chuyển nguồn	Huyện hỗ trợ theo cơ chế năm 2025	Huyện hỗ trợ, KCH và GTNT	Nghị định NB 35/2015/ NB-CP HT đất năm 2025	Chương trình NTM	Thu đóng góp khác	
	Văn hoá						0								
6	Nâng cấp bia mộ, đài tưởng niệm, nhà bia và sơn sửa tường rào, cổng ngõ, nâng nền nghĩa trang liệt sĩ xã Phước An						120	120							
C	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI						2.260	2.260							
I	Tiền sử dụng đất (NS huyện hỗ trợ tiền SDD)						2.260	2.260							
	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng						0								
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã Phước An						120	120							
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các điểm dân cư năm 2024 xã Phước An						100	100							
3	Chợ trung tâm xã và xây dựng hạ tầng KDC xung quanh chợ						150	150							
	Giao thông						0								
4	Tuyến đường từ CCN đến khu Tái định cư						200	200							
	Hạng mục: Sửa chữa, mở rộng, nâng cấp thảm nhựa														
5	Tuyến đường từ khu Tái định cư đến Ngã tư Đại Hội						100	100							
	Hạng mục: Sửa chữa, mở rộng, nâng cấp thảm nhựa														
6	Tuyến đường Bờ Tràn thôn An Sơn đến Trạm cắt điện, Ngõ Đình						100	100							
	Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp, thảm nhựa														
7	Tuyến đường CTY TNHH Thế Vũ đến Hoàng Giang						100	100							
	Hạng mục: Sửa chữa, thảm nhựa														
8	BTXM tuyến đường từ ngõ Lê Thị Biếu đến ruộng Ông Hân, thôn An Sơn 2						100	100							

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán 31/12/2024	Tổng kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó chia theo nguồn						Ghi chú
								Huyện hỗ trợ tiền SD đất năm 2025	Chuyển nguồn	Huyện hỗ trợ theo cơ chế năm 2025	Huyện hỗ trợ KCH và KM và GTNT	Nghị định ND 35/2015/ND-CP HT đất lúa năm 2025	Chương trình NTM	
			Tổng số	Tr đó : nguồn đóng góp của dân										
9	Nâng cấp tuyến đường từ Ngã 4 Đại Hội đến Ngõ Diên Hạng mục: Sửa chữa, mở rộng, nâng cấp thảm nhựa						50	50						
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ngã 5 NT1 đến Đình Ngọc Thạnh 1						50	50						
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ao cá Bác Hồ đến Thế Vũ						50	50						
	Thủy lợi						0							
12	KCHKM nương Hà Đôn đến ruộng Lê Thị Cúc						100	100						
13	KCHKM nương ngõ Chương đến Sao Vân						40	40						
14	KCHKM từ cống Bà lâu đến Bàu Sen						40	40						
15	KCHKM tuyến từ ngõ Sơn - Hàng rào bụi tre thôn Thanh Huy 1						40	40						
16	Xây dựng Cầu San Ủi - Thanh Huy 1						50	50						
17	Xây dựng Cầu Giáp Sờ - Ngọc Thạnh 1						50	50						
	Giáo dục						0							
18	Mở rộng xây dựng tường rào trường mầm non (cụm Vườn Họ)						50	50						
19	Xây dựng Nhà vệ sinh và Bê tông sân nền Trường Tiểu học số 2 Phước An (Điểm trường Đại Hội)						50	50						
20	Nhà đa năng Trường THCS Phước An						50	50						
	Văn hoá						0							
21	Xây dựng khu thể dục thể thao, sân vận động xã Phước An						90	90						
22	Lắp đặt Pano trên các tuyến trục đường						40	40						
23	Lắp đặt đèn Led hội trường nhà văn hóa xã						40	40						

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt			Giá trị thực hiện đến 31/12/ 2024	Giá trị đã thanh toán 31/12/ 2024	Tổng kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó chia theo nguồn							Ghi chú	
			Tr đó : nguồn đóng góp của dân	Huyện hỗ trợ tiền SD đất năm 2025	Chuyển nguồn				Huyện hỗ trợ theo cơ chế năm 2025	Huyện hỗ trợ, KCH và GTNT	Nghị định ND 35/2015/ ND-CP HT đất lúa năm 2025	Chương trình NTM	Thu đóng góp khác				
24	Sửa chữa, mở rộng, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn Ngọc Thanh 1							50	50								
25	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, bê tông sân nền, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn Ngọc Thanh 2							50	50								
26	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, bê tông sân nền, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn An Hòa 1							60	60								
27	Sửa chữa, nâng cấp, bê tông sân nền, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn An Hòa 2							50	50								
28	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, bê tông sân nền, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn An Sơn 1							40	40								
29	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn An Sơn 2							30	30								
30	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, bê tông sân nền, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn Đại Hội							50	50								
31	Sửa chữa, bê tông sân nền, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn Quí Hội							40	40								
32	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, bê tông sân nền, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn Thanh Huy 1							50	50								
33	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng, bê tông sân nền, lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa thôn Thanh Huy 2							50	50								
34	Nâng cấp, lắp mới camera thuộc mô hình Camera an ninh							30	30								

2/2025

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC AN

Biểu số 112/CK TC-NSNN
(Ban hành theo TT số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đvt: đồng

Nội dung	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024			KẾ HOẠCH NĂM 2025		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+), (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+), (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	406.074.133	395.602.400	6.807.364	66.000.000	66.000.000	-
- Quỹ vì người nghèo	374.698.072	373.150.000	1.548.072	50.000.000	50.000.000	-
- Đền ơn đáp nghĩa	7.259.292	2.000.000	5.259.292	7.000.000	7.000.000	-
- Quỹ người cao tuổi	12.580.000	12.302.400	277.600	4.000.000	4.000.000	-
- Quỹ Bảo trợ trẻ em	11.536.769	8.150.000	3.386.769	5.000.000	5.000.000	-
2. Các hoạt động sự nghiệp						
- Chợ						
- Bến bãi						
3. Các quỹ khác	4.636.364	4.636.364	-	10.000.000	10.000.000	-
- Quỹ phòng chống thiên tai	4.636.364	4.636.364	-	10.000.000	10.000.000	-
.....						

thao